

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **396/2026/HS-ST**

Ngày: 22/8/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – HÀ NỘI**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Thùy Dương Ngọc Anh
Các Hội thẩm nhân dân:
 1. Bà Phạm Thị Vân Hương
 2. Ông Nguyễn Văn Đông
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Lê Quyên, Thư ký TAND khu vực 5 - Hà Nội
- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Hà Nội tham gia phiên tòa:**
Bà Thạch Thị Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 356/2026/TLST-HS ngày 20/7/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 384/2026/QĐXXST-HS ngày 28/7/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 91/2026/QĐST-HS ngày 14/8/2026 đối với:

* **Bị cáo:** **NGUYỄN MINH K**, sinh ngày: 13/9/1982; giới tính: Nam; CCCD số: 019082000170; HKTT và nơi ở: **Số B Ô, phường V, thành phố Hà Nội**; trình độ học vấn: lớp 11/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông **Nguyễn Văn B** và bà **Nguyễn Thị T**; theo **D** chỉ bản số 412 ngày 13/5/2026 của **Công an phường V, TP.** và Trích lục tiền án, tiền sự số 122500826 ngày 10/7/2026 của Phòng Hồ sơ nghiệp vụ **Công an thành phố H** thể hiện:

- Nhân thân:

+ Bản án số 41 ngày 22/4/2004, Tòa án nhân dân quận Long Biên, Hà Nội tuyên phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”;

+ Bản án số 20 ngày 08/3/2005, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên tuyên phạt 42 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” và tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt của bản án số 41 ngày 22/4/2004 của Tòa án nhân dân quận Long Biên buộc phải chấp hành 48 tháng tù. Bị cáo chấp hành xong bản án, ra trại ngày 23/4/2008 (đã được xóa án tích).

- **Tiền án:** Bản án số 110 ngày 27/5/2024, Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, Hà Nội xét xử bị cáo **Nguyễn Minh K** 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài

sản”, ra trại ngày 19/11/2024 (chưa được xóa án tích).

Bị cáo đầu thú, tạm giữ từ ngày 07/5/2026, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 2 – Công an thành phố H.

Có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:**

1) **Chị Nguyễn Thị Thương T1**, sinh năm 1995; địa chỉ: **Số F phố H, phường V, thành phố Hà Nội.**

2) **Chị Lê Thị T2**, sinh năm 2000; địa chỉ: **Phố C, xã Đ, thành phố Hà Nội.**

Các bị hại đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 05/5/2026, **Nguyễn Minh K** đi qua chân tòa nhà HH2A đối diện cổng trường Tiểu học G, phường B, thành phố Hà Nội. Tại đây, **K** phát hiện 01 chiếc xe máy Honda Wave màu xanh đen bạc, BKS: 29S1-867.49 không khóa cổ, không khóa càng, khóa xe vẫn cắm ở ổ khóa và ở cạnh đó có 01 người phụ nữ đang nằm ngủ trên ghế đá. Thấy sơ hở, **K** đi đến gần chiếc xe, đề nổ máy rồi điều khiển xe máy đi đến khu vực gầm cầu V, cất giấu trong bụi cỏ và ra về.

Đến 20 giờ cùng ngày, **K** tiếp tục đi bộ tìm tài sản sơ hở để trộm cắp. Khi đến cuối ngõ A phố H, phường V, thành phố Hà Nội, **K** phát hiện 01 xe máy Honda Vision màu xanh, BKS: 37S1-064.68 để trên vỉa hè không có người trông giữ nên dắt xe về nhà tại số B Ô, phường V, đầu điện rồi điều khiển đến khu vực nghĩa trang phường V cất giấu.

Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 06/5/2026, **K** đến nghĩa trang lấy xe điều khiển đến khu vực đề gần cầu V, phường L, Hà Nội để tìm người mua. Tại đây, **K** bán chiếc xe Honda Vision BKS: 37S1-064.68 cho 02 người đàn ông không rõ nhân thân với giá 2.000.000 đồng; sau đó bán tiếp 01 xe Honda Wave BKS 29S1-867.49 vẫn cho hai người đàn ông trên với giá 2.500.000 đồng. Tổng số tiền bán xe 4.500.000 đồng, **K** đã tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 07/5/2026, biết là không thể che giấu được hành vi vi phạm pháp luật nên **K** đã đến Công an phường V, thành phố Hà Nội xin đầu thú và khai nhận về hành vi của mình.

- **Đối với xe Honda Vision BKS 37S1-064.68:** Chị **Nguyễn Thị T1 T1** khai xe do chị mua năm 2017, đăng ký chủ sở hữu tên chị **T1**. Cơ quan điều tra đã ra quyết định truy tìm nhưng chưa thu hồi được.

Tại **Bản kết luận định giá tài sản số 15 ngày 07/5/2026** của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự - **UBND phường V**, xác định xe máy Honda Vision màu xanh, BKS 37S1-064.68, trị giá **8.961.000 đồng**.

- **Đối với xe H Wave BKS 29S1-867.49**: chị **Lê Thị T2** khai xe do chị mua tại một cửa hàng bán xe máy ở **thị trấn Đ, Hà Nội** vào tháng 3/2013, có giấy mua bán viết tay nhưng chưa làm thủ tục đăng ký sang tên. Cơ quan điều tra đã ra quyết định truy tìm nhưng chưa thu hồi được.

Tại **Bản kết luận định giá tài sản số 18 ngày 05/6/2026** của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự - **UBND phường V**, xác định xe máy Honda Wave màu xanh đen bạc, BKS 29S1-867.49, trị giá **6.207.000 đồng**.

*** Về trách nhiệm dân sự:**

Chị **Nguyễn Thị Thương T1** yêu cầu bị cáo **Nguyễn Minh K** bồi thường số tiền bằng giá trị theo kết luận định giá tài sản đối với chiếc xe máy của chị là 8.961.000 đồng. Chị **Lê Thị Thương yêu C** bồi thường số tiền bằng giá trị theo kết luận định giá đối với chiếc xe máy của chị là 6.207.000 đồng. Hiện **K** chưa bồi thường được khoản nào.

Bản cáo trạng số 172/CT-VKSKV5 ngày 13/7/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Hà Nội đã truy tố **Nguyễn Minh K** về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo **Nguyễn Minh K** thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, xác nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Hà Nội truy tố là đúng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện.

- Đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích tính chất mức độ hành vi phạm tội, đánh giá vai trò cũng như nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã kết luận giữ quan điểm như cáo trạng truy tố và đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo **Nguyễn Minh K** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”; áp dụng Khoản 1 Điều 173, Điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51, Điểm g, h Khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **K** từ 18 đến 22 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo do không có thu nhập ổn định; bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho các bị hại theo yêu cầu; bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Các bị hại đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng đều vắng mặt. Xét thấy, các bị hại đã có lời khai đầy đủ trong quá trình điều tra, việc vắng mặt của các bị hại không gây trở ngại cho việc xét xử và giải quyết vụ án.

Do vậy, căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bị hại.

[1.2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người liên quan cùng các tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để xác định:

Trong ngày 05/5/2026 tại địa bàn **B và phường V, thành phố Hà Nội, Nguyễn Minh K** có hành vi **lợi dụng sơ hở của chủ tài sản, lén lút chiếm đoạt** 01 xe máy Honda Wave, màu xanh đen bạc, biển kiểm soát 29S1-86749 của chị **Lê Thị T2** trị giá **6.207.000 đồng** và 01 xe máy nhãn hiệu Honda Vision màu xanh, biển kiểm soát 37S1-064.68 của chị **Nguyễn Thị T1** Thương trị giá **8.961.000 đồng**. Tổng giá trị tài sản **K** chiếm đoạt của hai bị hại là **15.168.000 đồng**.

Hành vi nêu trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được Bộ luật Hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội, đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” được quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Hà Nội đã truy tố đối với bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, phù hợp pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

[3.1] Bị cáo **Nguyễn Minh K** là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do thiếu ý thức chấp hành pháp luật, muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên đã thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, cần phải xử lý nghiêm nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[3.2] Bị cáo đã 02 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác liên tiếp trong cùng một ngày, với mỗi lần chiếm đoạt tài sản đều có giá trị từ đủ 5.000.000 đồng. Do vậy, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “*phạm tội 02 lần trở lên*” theo quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[3.3] Bị cáo **Nguyễn Minh K** có nhân thân xấu, nhiều lần bị xử phạt về cùng loại tội chiếm đoạt tài sản, trong đó có bản án số 110 ngày 27/5/2024 bị Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, Hà Nội xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/11/2024, chưa được xóa án tích. Lần phạm tội này thuộc trường hợp “tái phạm” theo quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[3.4] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã đến Công an phường V xin đầu thú. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[3.5] Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, căn cứ vào nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã viện dẫn thì phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn trong khung hình phạt, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhưng cao hơn đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, mới đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[3.6] Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Bồi thường dân sự:

- Bị hại là chị Nguyễn Thị Thương T1 yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị chiếc xe máy Honda Vision BKS: 37S1-064.68 không thu hồi được theo kết luận định giá tài sản là 8.961.000 đồng.

- Bị hại là chị Lê Thị Thương yêu C bị cáo bồi thường giá trị chiếc xe máy Honda Wave BKS: 29S1-867.49 không thu hồi được theo kết luận định giá tài sản là 6.207.000 đồng.

Xét yêu cầu của được bồi thường thiệt hại của chị Nguyễn Thị Thương T1 và chị Lê Thị T2 là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự, các Điều 584 và 589 của Bộ luật Dân sự, nên chấp nhận.

[5] Đối với hai người đàn ông mua 02 chiếc xe máy, do K khai không biết nhân thân, lai lịch, địa chỉ của người này nên Cơ quan điều tra không có cơ sở điều tra làm rõ.

[6] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí bồi thường dân sự.

[7] Bị cáo và những người tham gia tố tụng trong vụ án có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173, Điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51, Điểm g, h Khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 136, 292, 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 584 và 589 của Bộ luật Dân sự; Điểm a và c Khoản 1 Điều 23, Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh K phạm tội “***Trộm cắp tài sản***”

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh K **24 (hai mươi bốn) tháng tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/5/2026.

- Buộc bị cáo **Nguyễn Minh K** phải bồi thường cho chị **Lê Thị T2** số tiền 6.207.000 đồng (*sáu triệu hai trăm linh bảy nghìn đồng*).

- Buộc bị cáo **Nguyễn Minh K** phải bồi thường cho chị **Nguyễn Thị T1** Thương số tiền 8.961.000 đồng (*tám triệu chín trăm sáu mươi một nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền phải thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất là 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6 và 7 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

- Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 758.500 đồng án phí bồi thường dân sự.

- Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :

- Bị cáo; Bị hại;
- VKSND KV5-HN;
- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- PC06-Công an TP.Hà Nội;
- Phòng THADS KV5 - Hà Nội;
- THAHS TA khu vực 5 - HN;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Hoàng Thùy Dương Ngọc Anh